

Số: 219/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 27 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức
một số máy móc, thiết bị chuyên dùng tại Phụ lục kèm theo
Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Công văn số 470/HĐND-KTNS ngày 25/9/2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức một số máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 188/TTr-STC ngày 21/6/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức một số máy móc, thiết bị chuyên dùng tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) có giá mua từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 hệ thống của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên theo Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hưng Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT; P. TH^{Cầm}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Đặng Ngọc Quỳnh

Phụ lục
(Kèm theo Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
D	NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG		
II	Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông		
2	Hệ thống giao ban trực tuyến từ UBND tỉnh đến UBND các huyện/thành phố	Hệ thống	1
3	Hệ thống lưu điện UPS 3 pha tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	Hệ thống	1
4	Hệ thống điều hòa chính xác tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	Hệ thống	1
5	Hệ thống máy chủ quản lý tích hợp dịch vụ tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	Hệ thống	1
6	Hệ thống phần mềm lõi cho chính quyền điện tử tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	Hệ thống	1
7	Hệ thống giám sát an toàn thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	Hệ thống	1
8	Hệ thống lưu trữ dữ liệu SAN Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	Hệ thống	1
9	Hệ thống chuyển mạch SAN SWITCH Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	Hệ thống	1
10	Hệ thống chuyển mạch lõi (Switch core) tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	Hệ thống	1
G	NGÀNH TÀI NGUYÊN – MÔI TRƯỜNG		
I	Sở Tài nguyên và Môi trường		
2	Trạm quan trắc môi trường nước mặt tự động, cố định	Trạm	7
6	Hệ thống nhận dữ liệu quan trắc tự động, gồm:	Trạm	1
6.1	Máy chủ (Gồm Ổ cứng, Card màn hình)		1
6.2	Tủ rack chứa máy chủ và phụ kiện		1
6.3	Hệ điều hành và phần mềm văn phòng cho máy chủ		1
6.4	Màn hình hiển thị		1
6.5	Ổn áp		1
6.6	Máy lạnh		1
6.7	Bộ lưu điện sử dụng cho trạm thu nhận dữ liệu trung tâm		1
6.8	Phần mềm bản quyền của hãng Ifix		1
6.9	Hệ thống quản lý dữ liệu môi trường		1
6.10	App cho điện thoại sử dụng nền tảng IOS và Android		1
I	NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ		
2	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng tỉnh		
2.1	Bộ thiết bị kiểm định công tơ điện 1 pha	Bộ	2